ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:2870 /QĐ-UBND	*Quảng Bình, ngày 13 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Luật sư thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1983/TTr-STP ngày 06/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Luật sư thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Sở Tư pháp có trách nhiệm xây dựng và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo hướng dẫn tại Công văn số 1388/UBND-KSTT ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh về việc xây dựng quy trình tin học hóa giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh QB;
- Lưu: VT, KSTTHC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cơ quan: Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Bình
Thời gian: 13/08/2020 16:34:51

Nguyễn Tiến Hoàng

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH TRONG LĨNH VỰC LUẬT SƯ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 2870 /QĐ-UBND ngày 13 /8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình)

1. Danh mục thủ tục hành chính công bố mới, bổ sung

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích
1	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	50.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư ngày 29/6/2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	Có
2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi, tổ chức hành nghề	Trung tâm Hành chính công tỉnh	50.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư ngày 29/6/2006; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một	Có

	nghề luật sư	luật sư phải đăng ký với Sở Tư pháp nơi tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động	Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình		số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	
3	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư; Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	- Đối với Văn phòng luật sư, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên: 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi, phải đăng ký với Sở Tư pháp nơi tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động. - Đối với Sở Tư pháp: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	50.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư ngày 29/6/2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	Có
4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Công ty Luật hợp danh	- Đối với Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Công ty Luật hợp danh: 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi, phải đăng ký với Sở Tư pháp nơi tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động. - Đối với Sở Tư pháp: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	50.000 đồng/hồ sơ		Có
5	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hành nghề	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số	50.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư ngày 29/6/2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi	Có

	luật sư		09 đường Quang Trung, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình		tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	
6	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	- Luật Luật sư ngày 29/6/2006; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư.	Có
7	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, Công ty Luật nước ngoài	- Đối với chi nhánh, Công ty Luật nước ngoài: Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập, chi nhánh, phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi đặt trụ sở. - Đối với Sở Tư pháp: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.		2.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư ngày 29/6/2006; - Luật sửa đổi Luật Luật sư ngày 20/11/2012; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động hành nghề luật sư.	Có
8	Thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh Công ty Luật nước ngoài	- Đối với chi nhánh Công ty Luật nước ngoài: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận thay đổi nội dung Giấy phép thành	Trung tâm Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư ngày 29/6/2006; - Luật sửa đổi Luật Luật sư ngày 20/11/2012; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày	Có

		lập chi nhánh, Công ty Luật nước ngoài, phải đăng ký việc thay đổi tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi đặt trụ sở. - Đối với Sở Tư pháp: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quang Trung, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình		14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động hành nghề luật sư.	
9	Hợp nhất Công ty Luật	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không	Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư	Có
10	Sáp nhập Công ty Luật	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				
11	Chuyển đổi Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn và Công ty Luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành Công ty Luật	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				
12	Đăng ký hoạt động của Công ty Luật Việt Nam chuyển đổi từ Công ty Luật nước ngoài	- Đối với Công ty Luật Việt Nam chuyển đổi: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp, phải làm thủ tục đăng ký việc chuyển đổi tại Sở Tư pháp nơi Công ty Luật nước ngoài đăng ký hoạt động. - Đối với Sở Tư pháp: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	50.000 đồng/hồ sơ	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	Có

13	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của Công ty Luật nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	600.000 đồng/hồ sơ	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động hành nghề luật sư.	Có
14	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, Công ty Luật nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	2.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư ngày 29/6/2006; - Luật sửa đổi Luật Luật sư ngày 20/11/2012; - Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư, Nghị định hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động hành nghề luật sư.	Có

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung bãi bỏ thủ tục hành chính
1	Thủ tục số 5, Mục II, Phần I, Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 10/6/2014	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư/Giấy đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
2	Thủ tục số 7, Mục II, Phần I, Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 10/6/2014	Thành lập văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư	
3	Thủ tục số 8, Mục II, Phần I, Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 10/6/2014	Đăng ký đặt cơ sở hành nghề luật sư ở nước ngoài của tổ chức hành nghề luật sư	
4	Thủ tục số 9, Mục II, Phần I, Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 10/6/2014	Đăng ký chấm dứt hoạt động cơ sở hành nghề luật sư ở nước ngoài của tổ chức hành nghề luật sư	
5	Thủ tục số 11, Mục II, Phần I, Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 10/6/2014	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	
6	Thủ tục số 12, Mục II, Phần I, Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 10/6/2014	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư	
7	Thủ tục số 17, Mục II, Phần I, Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 10/6/2014	Thành lập Đoàn Luật sư	
8	1.002398.000.00.00.H46, thủ tục số 1, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Đăng ký hoạt động của Công ty Luật Việt Nam chuyển đổi từ Công ty Luật nước ngoài	

9	1.000568.000.00.00.H46, thủ tục số 4, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Cấp lại chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các Điểm a, b, c, e và k, Khoản 1, Điều 18 của Luật Luật sư	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
10	1.000507.000.00.00.H46, thủ tục số 5, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Cấp lại chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các Điểm d và đ, Khoản 1, Điều 18 của Luật Luật sư	
11	1.000547.000.00.00.H46, thủ tục số 6, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Cấp lại chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các Điểm g, h và i, Khoản 1, Điều 18 của Luật Luật sư	
12	1.006681.000.00.00.H46, thủ tục số 7, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Cấp lại chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý (đối với những người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư)	
13	1.006682.000.00.00.H46, thủ tục số 8, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Cấp lại chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý (đối với những người được miễn đào tạo nghề luật sư và miễn tập sự nghề luật sư)	
14	1.002010.000.00.00.H46, thủ tục số 9, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	
15	1.002032.000.00.00.H46, thủ tục số 10, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	

16	1.002055.000.00.00.H46, thủ tục số 11, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
17	1.002079.000.00.00.H46, thủ tục số 12, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Công ty Luật hợp danh	
18	1.002099.000.00.00.H46, thủ tục số 13, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư	
19	1.002181.000.00.00.H46, thủ tục số 14, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, Công ty Luật nước ngoài	
20	1.002198.000.00.00.H46, thủ tục số 15, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Thay đổi nội dung giấy đăng hoạt động của chi nhánh, Công ty Luật nước ngoài	
21	1.002384.000.00.00.H46, thủ tục số 16, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của Công ty Luật nước ngoài tại Việt Nam	
22	1.002368.000.00.00.H46, thủ tục số 17, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, của Công ty Luật nước ngoài	
23	1.002218.000.00.00.H46, thủ tục số 18, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Đăng ký hợp nhất Công ty Luật	
24	1.002234.000.00.00.H46, thủ tục số 19, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Đăng ký sáp nhất Công ty Luật	
25	1.002251.000.00.00.H46, thủ tục số 20, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và Công ty Luật hợp danh	

26	1.002272.000.00.00.H46, thủ tục số 21, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Chuyển đổi văn phòng luật sư thành Công ty Luật	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
27	1.002153.000.00.00.H46, thủ tục số 22, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	
28	Thủ tục số 23, Mục I, Phần I, Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	Cung cấp thông tin/trích lục nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư/nội dung đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	
29	1.000828.000.00.00.H46, thủ tục số 01, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 23/4/2019	Cấp chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	
30	1.000688.000.00.00.H46, thủ tục số 02, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 23/4/2019	Cấp chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự nghề luật sư	
31	1.002311.000.00.00.H46, thủ tục số 03, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 23/4/2019	Phê duyệt đề án tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường, phương án xây dựng nhân sự Ban Chủ nhiệm, Hội đồng Khen thưởng - Kỷ luật của Đoàn Luật sư	
32	1.002336.000.00.00.H46, thủ tục số 04, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 23/4/2019	Phê chuẩn kết quả Đại hội Luật sư	